

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Số: *1159* /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày 06 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính được ban hành mới; sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ, hủy bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp huyện tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 963/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Kế hoạch và Đầu tư, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 202/TTr-SKHĐT ngày 22 tháng 4 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính được ban hành mới; sửa đổi, bổ sung, thay thế và bị bãi bỏ, hủy bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp huyện tỉnh Đồng Nai, như sau:

- Ban hành mới: 07 quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính Lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp; 01 quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính Lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đã được ban hành tại Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Sửa đổi, bổ sung, thay thế: 59 quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính cấp tỉnh Lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp; Lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã và hợp tác xã (cấp tỉnh) thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư; 21 quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh; Lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã và hợp tác xã thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện được ban hành tại Quyết định số 963/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Bãi bỏ, hủy bỏ: 19 quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính cấp tỉnh Lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp; 05 quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính cấp tỉnh Lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp xã hội được ban hành tại Quyết định số 963/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

(Danh mục và nội dung quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các nội dung khác tại Quyết định số 963/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Giao Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện cập nhật tích hợp, kết nối các quy trình điện tử (lưu đồ) giải quyết thủ tục hành chính đã được phê duyệt lên Phần mềm một cửa điện tử theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư; Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa; Trung tâm hành chính

công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *afz*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, KGVX, HCTC, HCC, Công TTĐT.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Sơn Hùng

Phụ lục

**QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ;
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN TỈNH ĐỒNG NAI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1159 /QĐ-UBND ngày 06 / 5 /2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (SỞ)

STT	Tên thủ tục hành chính	Quy trình		Trang
		Tình trạng ban hành	Quyết định 963/QĐ-UBND	
I. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP				
1	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	Sửa đổi, bổ sung	x	1
2	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	Sửa đổi, bổ sung	x	1
3	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	Sửa đổi, bổ sung	x	1
4	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	Sửa đổi, bổ sung	x	1
5	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	Sửa đổi, bổ sung	x	1
6	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sửa đổi, bổ sung	x	3
7	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sửa đổi, bổ sung	x	3
8	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	Sửa đổi, bổ sung	x	3
9	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	Sửa đổi, bổ sung	x	3
10	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Ban hành mới		3
11	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Sửa đổi, bổ sung	x	3
12	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách	Sửa đổi,	x	3

	nhiệm hữu hạn một thành viên	bổ sung		
13	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết	Sửa đổi, bổ sung	x	3
14	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sửa đổi, bổ sung	x	3
15	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	Sửa đổi, bổ sung	x	3
16	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết	Sửa đổi, bổ sung	x	3
17	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	Sửa đổi, bổ sung	x	3
18	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế)	Sửa đổi, bổ sung	x	3
19	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sửa đổi, bổ sung	x	1
20	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sửa đổi, bổ sung	x	5
21	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương	Sửa đổi, bổ sung	x	1
22	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay thế nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại	Sửa đổi, bổ sung	x	3

III

	diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính			
23	Thông báo lập địa điểm kinh doanh	Sửa đổi, bổ sung	x	1
24	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Sửa đổi, bổ sung	x	3
25	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	Sửa đổi, bổ sung	x	1
26	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền	Sửa đổi, bổ sung	x	3
27	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty	Sửa đổi, bổ sung	x	1
28	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty	Sửa đổi, bổ sung	x	1
29	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	Sửa đổi, bổ sung	x	3
30	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	Sửa đổi, bổ sung	x	3
31	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)	Ban hành mới		3

IV

32	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại	Sửa đổi, bổ sung	x	3
33	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	Sửa đổi, bổ sung	x	3
34	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Ban hành mới		3
35	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Ban hành mới		3
36	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác	Sửa đổi, bổ sung	x	3
37	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	Sửa đổi, bổ sung	x	3
38	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	Sửa đổi, bổ sung	x	3
39	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)	Sửa đổi, bổ sung	x	3
40	Giải thể doanh nghiệp	Sửa đổi, bổ sung	x	7
41	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	Sửa đổi, bổ sung	x	7
42	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Sửa đổi, bổ sung	x	7
43	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	Sửa đổi, bổ sung	x	3
44	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	Ban hành mới		3
45	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp không thay đổi	Sửa đổi, bổ sung	x	3

	nội dung đăng ký kinh doanh và có thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh			
46	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán	Ban hành mới		1
47	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp	Ban hành mới		3
48	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp	Ban hành mới		9
49	Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	Sửa đổi, bổ sung	x	3
50	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội	(Thay đổi tên; gộp quy trình số 76 và 83)	x	3
51	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	Sửa đổi, bổ sung	x	3
II. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ VÀ HỢP TÁC XÃ				
52	Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã	Sửa đổi, bổ sung		11
53	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	Sửa đổi, bổ sung	x	11
54	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	Sửa đổi, bổ sung	x	13
55	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	Sửa đổi, bổ sung	x	13
56	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia	Sửa đổi, bổ sung	x	11
57	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách	Sửa đổi, bổ sung	x	11
58	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất	Sửa đổi, bổ sung	x	13
59	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập	Sửa đổi, bổ sung	x	13
60	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (trong trường hợp bị mất)	Sửa đổi, bổ sung	x	13

	hoặc bị hư hỏng)			
61	Giải thể tự nguyện liên hiệp hợp tác xã	Sửa đổi, bổ sung	x	15
62	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	Sửa đổi, bổ sung	x	13
63	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã	Sửa đổi, bổ sung	x	17
64	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	Sửa đổi, bổ sung	x	13
65	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	Sửa đổi, bổ sung	x	15
66	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã	Sửa đổi, bổ sung	x	13

III. LĨNH VỰC HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

67	Thủ tục hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp	Ban hành mới	19
----	--	--------------	----

IV. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ, HỦY BỎ, HỦY CÔNG KHAI

1. Lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp

1	Thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp, thông tin người đại diện theo uỷ quyền (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
2	Thông báo sử dụng, thay đổi, huỷ mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
3	Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng
4	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
5	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
6	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần
7	Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)
8	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân
9	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc chia doanh nghiệp
10	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc chia doanh nghiệp
11	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc tách doanh nghiệp

12	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp
13	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
14	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do thừa kế
15	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước
16	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác
17	Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác
18	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)
19	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)
2. Lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp xã hội	
20	Thông báo tiếp nhận viện trợ, tài trợ
21	Thông báo thay đổi nội dung tiếp nhận viện trợ, tài trợ
22	Công khai hoạt động của doanh nghiệp xã hội
23	Cung cấp thông tin, bản sao Báo cáo đánh giá tác động xã hội và Văn bản tiếp nhận viện trợ, tài trợ
24	Chuyển cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện thành doanh nghiệp xã hội

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Quy trình		Trang
		Tình trạng	Quyết định 963/QĐ-UBND	
I. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘ KINH DOANH				
1	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Sửa đổi, bổ sung	x	21
2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	Sửa đổi, bổ sung	x	21

VIII

3	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	Sửa đổi, bổ sung	x	21
4	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	Sửa đổi, bổ sung	x	21
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Sửa đổi, bổ sung	x	21

II. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ VÀ HỢP TÁC XÃ

6	Đăng ký thành lập hợp tác xã	Sửa đổi, bổ sung	x	23
7	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Sửa đổi, bổ sung	x	23
8	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	Sửa đổi, bổ sung	x	25
9	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Sửa đổi, bổ sung	x	25
10	Đăng ký khi hợp tác xã chia	Sửa đổi, bổ sung	x	23
11	Đăng ký khi hợp tác xã tách	Sửa đổi, bổ sung	x	23
12	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	Sửa đổi, bổ sung	x	25
13	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	Sửa đổi, bổ sung	x	25
14	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	Sửa đổi, bổ sung	x	25
15	Giải thể tự nguyện hợp tác xã	Sửa đổi, bổ sung	x	27
16	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	Sửa đổi, bổ sung	x	25
17	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	Sửa đổi, bổ sung	x	29
18	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	Sửa đổi, bổ sung	x	25
19	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Sửa đổi, bổ sung	x	27
20	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	Sửa đổi, bổ sung	x	25
21	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	Sửa đổi, bổ sung	x	31

PHẦN II. QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (SỞ)

I. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Thủ tục: Thủ tục số 1, 2, 3, 4, 5, 19, 21, 23, 25, 27, 28, 46

1. Thời gian giải quyết: 24 giờ (03 ngày làm việc)

2. Lưu đồ giải quyết:

Lưu đồ	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
Tiếp nhận hồ sơ theo thành phần hồ sơ đã quy định tại Trung tâm hành chính công tỉnh	Trung tâm hành chính công tỉnh	4 giờ (0,5 ngày)
Nhận và chuyển hồ sơ	Bưu điện tỉnh	
Nhận hồ sơ tại Phòng Đăng ký kinh doanh	Cán bộ đầu mối tại phòng ĐKKD	0,5 giờ
Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng ĐKKD	0,5 giờ
Xử lý hồ sơ trên Hệ thống TTQG về ĐKDN	Cán bộ thụ lý phòng ĐKKD	5 giờ
Duyệt dự thảo, yêu cầu MSDN, MSCN/ĐKKD trên Hệ thống hoặc ra Thông báo bổ sung	Lãnh đạo Phòng ĐKKD	4 giờ

↓ Trả kết quả mã số doanh nghiệp	Hệ thống thông tin ĐKDNQG và Hệ thống Thông tin ĐKT	4 giờ
↓ Chấp thuận cấp Giấy chứng nhận	Lãnh đạo Phòng ĐKKD	1 giờ
↓ In Giấy chứng nhận	Cán bộ thụ lý phòng ĐKKD	0,5 giờ
↓ Ký giấy chứng nhận	Lãnh đạo Phòng ĐKKD	0,5 giờ
↓ Nhận và chuyển kết quả	Bưu điện tỉnh	4 giờ (0,5 ngày)
↓ Trả kết quả cho doanh nghiệp	Trung tâm hành chính công tỉnh	
TỔNG THỜI GIAN		24 giờ

I. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Thủ tục số: 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 22, 24, 26, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 43, 44, 45, 47, 49, 50, 51

1. Thời gian giải quyết: 24 giờ (03 ngày làm việc)

2. Lưu đồ giải quyết:

Lưu đồ	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
Tiếp nhận hồ sơ theo thành phần hồ sơ đã quy định tại Trung tâm hành chính công	Trung tâm hành chính công tỉnh	4 giờ (0,5 ngày)
Nhận và chuyển hồ sơ	Bưu điện tỉnh	
Nhận hồ sơ tại Phòng Đăng ký kinh doanh	Cán bộ đầu mối tại phòng ĐKKD	0,5 giờ
Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng ĐKKD	0,5 giờ
Xử lý hồ sơ trên Hệ thống TTQG về ĐKDN	Cán bộ thụ lý phòng ĐKKD	5 giờ
Duyệt dự thảo, yêu cầu MSDN trên Hệ thống hoặc ra Thông báo bổ sung	Lãnh đạo Phòng ĐKKD	4 giờ

↓ Trả kết quả mã số doanh nghiệp	Hệ thống thông tin ĐKDNQG và Hệ thống Thông tin ĐKT	4 giờ
↓ Chấp thuận cấp Giấy chứng nhận	Lãnh đạo Phòng ĐKKD	1 giờ
↓ In Giấy chứng nhận	Cán bộ thụ lý phòng ĐKKD	0,5 giờ
↓ Ký giấy chứng nhận	Lãnh đạo phòng ĐKKD	0,5 giờ
↓ Nhận và chuyển kết quả	Bưu điện tỉnh	4 giờ (0,5 ngày)
↓ Trả kết quả cho doanh nghiệp	Trung tâm hành chính công tỉnh	
TỔNG THỜI GIAN		24 giờ

I. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Thủ tục: Thủ tục số 20

1. Thời gian giải quyết: 24 giờ (03 ngày làm việc)

2. Lưu đồ giải quyết:

Lưu đồ	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
Tiếp nhận hồ sơ theo thành phần hồ sơ đã quy định tại Trung tâm hành chính công	Trung tâm hành chính công tỉnh	4 giờ (0,5 ngày)
Nhận và chuyển hồ sơ	Bưu điện tỉnh	
Nhận hồ sơ tại Phòng Đăng ký kinh doanh	Cán bộ đầu mối tại phòng ĐKKD	0,5 giờ
Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng ĐKKD	0,5 giờ
Xử lý hồ sơ trên Hệ thống TTQG về ĐKDN	Cán bộ thụ lý phòng ĐKKD	7 giờ
Chấp thuận cập nhật thông tin CN, VPĐD trong Cơ sở DLQG về đăng ký doanh nghiệp hoặc ra Thông báo bổ sung	Lãnh đạo Phòng ĐKKD	7 giờ

Thông tin về CN, VPĐD, của DN được bổ sung trong Cơ sở DLQG về đăng ký doanh Trả kết quả cho doanh nghiệp	Hệ thống thông tin ĐKDNQG	4 giờ
	Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp	1 giờ
TỔNG THỜI GIAN		24 giờ

I. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Thủ tục: Thủ tục số 40, 41, 42

1. Thời gian giải quyết: 40 giờ (05 ngày làm việc)

2. Lưu đồ giải quyết:

Lưu đồ	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
Tiếp nhận hồ sơ theo thành phần hồ sơ đã quy định tại Trung tâm hành chính công	Trung tâm hành chính công tỉnh	4 giờ
Nhận và chuyển hồ sơ	Bưu điện tỉnh	
Nhận hồ sơ tại Phòng Đăng ký kinh doanh	Cán bộ đầu đối tại phòng ĐKKD	0,5 giờ
Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng ĐKKD	0,5 giờ
Xử lý hồ sơ trên Hệ thống thông tin ĐKDNQG	Cán bộ thụ lý phòng ĐKKD	6 giờ
Duyệt hồ sơ, truyền thông tin thông tin từ Hệ thống thông tin ĐKDNQG sang Hệ thống Thông tin ĐKT hoặc ra Thông báo bổ sung	Lãnh đạo phòng ĐKKD	6 giờ
Phản hồi chấp thuận giải thể	Hệ thống thông tin ĐKDNQG và Hệ thống Thông tin ĐKT	16 giờ

<pre> graph TD A[Chấp thuận giải thể doanh nghiệp] --> B[In giấy xác nhận giải thể] B --> C[Ký giấy xác nhận giải thể] C --> D[Nhận và chuyển kết quả] D --> E[Trả kết quả cho doanh nghiệp] </pre>	Chấp thuận giải thể doanh nghiệp	Lãnh đạo phòng ĐKKD	2 giờ
	In giấy xác nhận giải thể	Cán bộ thụ lý ĐKKD	0,5 giờ
	Ký giấy xác nhận giải thể	Lãnh đạo phòng ĐKKD	0,5 giờ
	Nhận và chuyển kết quả	Cán bộ đầu mối tại phòng ĐKKD	4 giờ (0,5 ngày)
	Trả kết quả cho doanh nghiệp	Trung tâm hành chính công tỉnh	
TỔNG THỜI GIAN			40 giờ

I. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Thủ tục: Thủ tục số 48

1. Thời gian giải quyết: 24 giờ (03 ngày làm việc)

2. Lưu đồ giải quyết:

Lưu đồ	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
Tiếp nhận hồ sơ theo thành phần hồ sơ đã quy định tại Trung tâm hành chính công	Trung tâm hành chính công tỉnh	4 giờ (0,5 ngày)
Nhận và chuyển hồ sơ	Bưu điện tỉnh	
Nhận hồ sơ tại Phòng Đăng ký kinh doanh	Cán bộ đầu mối tại phòng ĐKKD	0,5 giờ
Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng ĐKKD	0,5 giờ
Xử lý hồ sơ trên Hệ thống TTQG về ĐKDN	Cán bộ thụ lý ĐKKD	7 giờ
Chấp thuận khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở DLQG về đăng ký doanh nghiệp hoặc ra Thông	Lãnh đạo Phòng ĐKKD	7 giờ

Thông tin khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp được cập nhật trong Cơ sở DLQG về đăng ký doanh nghiệp Trả kết quả cho doanh nghiệp	Hệ thống thông tin ĐKDNQG	4 giờ
	Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp	1 giờ
TỔNG THỜI GIAN		24 giờ

II. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ

Thủ tục: Thủ tục số 52, 53, 56, 57

1. Thời gian giải quyết: 24 giờ (03 ngày làm việc)

2. Lưu đồ giải quyết:

Lưu đồ	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
Tiếp nhận hồ sơ theo thành phần hồ sơ đã quy định tại Trung tâm hành chính công	Trung tâm hành chính công tỉnh	4 giờ (0,5 ngày)
Nhận và chuyển hồ sơ	Bưu điện tỉnh	
Nhận hồ sơ tại Phòng Đăng ký kinh doanh	Cán bộ đầu mối tại phòng ĐKKD	0,5 giờ
Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng ĐKKD	0,5 giờ
Xử lý hồ sơ trên Hệ thống TTQG về ĐKHTX	Cán bộ thụ lý ĐKKD	5 giờ
Duyệt dự thảo, yêu cầu MSHTX, MSCN/ĐĐKD trên Hệ thống hoặc ra TB bổ sung	Lãnh đạo Phòng ĐKKD	4 giờ

↓ Trả kết quả mã số Hợp tác xã/MSCN/VPĐD/ĐDDKD	Hệ thống TTQG về ĐKHTX và Hệ thống Thông tin ĐKT	4 giờ
↓ Chấp thuận cấp Giấy chứng nhận	Lãnh đạo Phòng ĐKKD	1 giờ
↓ In Giấy chứng nhận	Cán bộ thụ lý phòng ĐKKD	0,5 giờ
↓ Ký giấy chứng nhận	Lãnh đạo Phòng ĐKKD	0,5 giờ
↓ Nhận và chuyển kết quả	Bưu điện tỉnh	4 giờ (0,5 ngày)
↓ Trả kết quả cho Liên hiệp hợp tác xã	Trung tâm hành chính công tỉnh	
TỔNG THỜI GIAN		24 giờ

II. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ

Thủ tục: Thủ tục số 54, 55, 58, 59, 60, 62, 64, 66

1. Thời gian giải quyết: 24 giờ (03 ngày làm việc)

2. Lưu đồ giải quyết:

Lưu đồ	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
Tiếp nhận hồ sơ theo thành phần hồ sơ đã quy định tại Trung tâm hành chính công	Trung tâm hành chính công tỉnh	4 giờ (0,5 ngày)
Nhận và chuyển hồ sơ	Bưu điện tỉnh	
Nhận hồ sơ tại Phòng Đăng ký kinh doanh	Cán bộ đầu mối tại phòng ĐKKD	0,5 giờ
Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng ĐKKD	0,5 giờ
Xử lý hồ sơ trên Hệ thống TTQG về ĐKHTX	Cán bộ thụ lý phòng ĐKKD	7 giờ
Chấp thuận cấp Giấy CN, truyền thông tin từ Hệ thống TTQG về ĐKHTX sang Hệ thống Thông tin ĐKT hoặc ra Thông báo bổ sung	Lãnh đạo Phòng ĐKKD	7 giờ

In Giấy chứng nhận, giấy xác nhận	Cán bộ thụ lý phòng ĐKKD	0,5 giờ
Ký Giấy chứng nhận, giấy xác nhận	Lãnh đạo Phòng ĐKKD	0,5 giờ
Nhận và chuyển kết quả	Bưu điện tỉnh	4 giờ (0,5 ngày)
Trả kết quả cho Liên hiệp hợp tác xã	Trung tâm hành chính công tỉnh	
TỔNG THỜI GIAN		24 giờ

II. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ

Thủ tục: Thủ tục số 61, 65

1. Thời gian giải quyết: 40 giờ (05 ngày làm việc)

2. Lưu đồ giải quyết:

Lưu đồ	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
Tiếp nhận hồ sơ theo thành phần hồ sơ đã quy định tại Trung tâm hành chính công	Trung tâm hành chính công tỉnh	4 giờ
Nhận và chuyển hồ sơ	Bưu điện tỉnh	
Nhận hồ sơ tại Phòng Đăng ký kinh doanh	Cán bộ đầu đối tại phòng ĐKKD	0,5 giờ
Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng ĐKKD	0,5 giờ
Xử lý hồ sơ trên Hệ thống TTQG về ĐKHTX	Cán bộ thụ lý phòng ĐKKD	6 giờ
Duyệt hồ sơ, truyền thông tin thông tin từ Hệ thống TTQG về ĐKHTX sang Hệ thống Thông tin ĐKT hoặc ra Thông báo bổ sung	Lãnh đạo phòng ĐKKD	6 giờ
Phản hồi chấp thuận giải thể	Hệ thống TTQG về ĐKHTX	16 giờ

<pre> graph TD A[] --> B[Chấp thuận giải thể Liên hiệp hợp tác xã] B --> C[In giấy xác nhận giải thể] C --> D[Ký giấy xác nhận giải thể] D --> E[Nhận và chuyển kết quả] E --> F[Trả kết quả cho Liên hiệp hợp tác xã] </pre>	Chấp thuận giải thể Liên hiệp hợp tác xã	Lãnh đạo phòng ĐKKD	2 giờ
	In giấy xác nhận giải thể	Cán bộ thụ lý phòng ĐKKD	0,5 giờ
	Ký giấy xác nhận giải thể	Lãnh đạo phòng ĐKKD	0,5 giờ
	Nhận và chuyển kết quả	Cán bộ đầu mối tại phòng ĐKKD	4 giờ (0,5 ngày)
	Trả kết quả cho Liên hiệp hợp tác xã	Trung tâm hành chính công tỉnh	
TỔNG THỜI GIAN			40 giờ

II. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ

Thủ tục: Thủ tục số 63

1. Thời gian giải quyết: 24 giờ (03 ngày làm việc)

2. Lưu đồ giải quyết:

Lưu đồ	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
Tiếp nhận hồ sơ theo thành phần hồ sơ đã quy định tại Trung tâm hành chính công	Trung tâm hành chính công tỉnh	4 giờ (0,5 ngày)
Nhận và chuyển hồ sơ	Bưu điện tỉnh	
Nhận hồ sơ tại Phòng Đăng ký kinh doanh	Cán bộ đầu mối tại phòng ĐKKD	0,5 giờ
Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng ĐKKD	0,5 giờ
Kiểm tra tính hợp lệ của Thông báo góp vốn, mua cổ phần, thành lập DN của LHHTX	Cán bộ thụ lý phòng ĐKKD	7 giờ
Chấp thuận bổ sung Thông báo vào hồ sơ của LHHTX	Lãnh đạo Phòng ĐKKD	7 giờ

↓ Lưu Thông báo vào hồ sơ của LHHTX →	Cán bộ lưu trữ phòng ĐKKD	5 giờ
TỔNG THỜI GIAN		24 giờ

III. LĨNH VỰC HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

Thủ tục: Thủ tục số 67

1. Thời gian giải quyết: 24 giờ (03 ngày làm việc)

2. Lưu đồ giải quyết:

Lưu đồ	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
Tiếp nhận hồ sơ theo thành phần hồ sơ đã quy định tại Bộ phận TN&TKQ	Trung tâm Hành chính công tỉnh	04 giờ
Nhận và chuyển hồ sơ	Bưu điện tỉnh	
Nhận hồ sơ tại Đăng ký kinh doanh	Cán bộ đầu mối tại phòng ĐKKD	0,5 giờ
Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng ĐKKD	0,5 giờ
Thực hiện hỗ trợ, lập hồ sơ chuyển đổi HKD thành DN	Cán bộ thụ lý phòng ĐKKD	07 giờ
Xem xét tính hợp lệ của hồ sơ chuyển đổi HKD thành DN	Lãnh đạo Phòng ĐKKD	08 giờ

↓ Nhận và chuyển kết quả ↓ Trả kết quả	Bưu điện tỉnh Trung tâm Hành chính công tỉnh	04 giờ 24 giờ
TỔNG THỜI GIAN		24 giờ

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

I. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘ KINH DOANH

Thủ tục: Thủ tục số 1, 2, 3, 4, 5

1. Thời gian giải quyết: 24 giờ (03 ngày làm việc)

2. Lưu đồ giải quyết:

Lưu đồ	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
Tiếp nhận hồ sơ theo thành phần hồ sơ đã quy định tại Bộ phận TN&TKQ ↓ Nhận và chuyển hồ sơ ↓ Nhận hồ sơ tại Phòng Tài chính - Kế hoạch ↓ Phân công xử lý hồ sơ ↓ Xử lý, in dự thảo Giấy chứng nhận ĐKKD hoặc Giấy xác nhận hoặc TB BS hồ sơ ↓ Chấp thuận cấp Giấy chứng nhận ĐKKD hoặc GXN hoặc Thông báo bổ sung hồ sơ ↓	Bộ phận TN&TKQ của UBND cấp huyện Công chức Phòng TC-KH Lãnh đạo Phòng TC-KH Lãnh đạo phòng TC-KH Cán bộ thụ lý phòng TC-KH Lãnh đạo Phòng TC-KH	04 giờ 0,5 giờ 0,5 giờ 07 giờ 08 giờ

Nhận và chuyển kết quả Trả kết quả cho Hộ kinh doanh	Công chức Phòng TC-KH Bộ phận TN&TKQ của UBND cấp huyện	04 giờ
TỔNG THỜI GIAN		24 giờ

II. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ

Thủ tục: Thủ tục số 6,7,10,11

1. Thời gian giải quyết: 24 giờ (03 ngày làm việc)

2. Lưu đồ giải quyết:

Lưu đồ	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
Tiếp nhận hồ sơ theo thành phần hồ sơ đã quy định tại Bộ phận TN&TKQ ↓ Nhận và chuyển hồ sơ ↓ Nhận hồ sơ tại Phòng Tài chính – Kế hoạch ↓ Phân công xử lý hồ sơ ↓ Xử lý hồ sơ trên Hệ thống TTQG về ĐKHTX ↓ Duyệt dự thảo, yêu cầu MSHTX, MSCN/ĐĐKD trên Hệ thống hoặc ra TB bổ sung	Bộ phận TN&TKQ của UBND cấp huyện Công chức Phòng TC-KH Lãnh đạo Phòng TC-KH Lãnh đạo Phòng TC-KH Cán bộ thụ lý phòng TC-KH Lãnh đạo Phòng TC-KH	4 giờ (0,5 ngày) 0,5 giờ 0,5 giờ 5 giờ 4 giờ

↓ Trả kết quả mã số Hợp tác xã/MSCN/VPĐD/ĐDDKD	Hệ thống TTQG về ĐKHTX và Hệ thống Thông tin ĐKT	4 giờ
↓ Chấp thuận cấp Giấy chứng nhận	Lãnh đạo Phòng TC-KH	1 giờ
↓ In Giấy chứng nhận	Cán bộ thụ lý TC-KH	0,5 giờ
↓ Ký giấy chứng nhận	Lãnh đạo Phòng TC-KH	0,5 giờ
↓ Nhận và chuyển kết quả	Công chức Phòng TC-KH	4 giờ (0,5 ngày)
↓ Trả kết quả cho Liên hiệp hợp tác xã	Bộ phận TN&TKQ của UBND cấp huyện	
TỔNG THỜI GIAN		24 giờ

II. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ

Thủ tục: Thủ tục số 8, 9, 12, 13, 14, 16, 18, 20

1. Thời gian giải quyết: 24 giờ (03 ngày làm việc)

2. Lưu đồ giải quyết:

Lưu đồ	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
Tiếp nhận hồ sơ theo thành phần hồ sơ đã quy định tại Bộ phận TN&TKQ ↓ Nhận và chuyển hồ sơ ↓ Nhận hồ sơ tại Phòng Tài chính – Kế hoạch ↓ Phân công xử lý hồ sơ ↓ Xử lý hồ sơ trên Hệ thống TTQG về ĐKHTX ↓ Chấp thuận cấp Giấy CN, truyền thông tin từ Hệ thống TTQG về ĐKHTX sang Hệ thống Thông tin ĐKT hoặc ra Thông báo bổ sung	Bộ phận TN&TKQ của UBND cấp huyện Công chức Phòng TC-KH Lãnh đạo Phòng TC-KH Lãnh đạo phòng TC-KH Cán bộ thụ lý TC-KH Lãnh đạo Phòng TC-KH	4 giờ (0,5 ngày) 0,5 giờ 0,5 giờ 7 giờ 7 giờ

↓ In Giấy chứng nhận, giấy xác nhận	Cán bộ thụ lý TC-KH	0,5 giờ
↓ Ký Giấy chứng nhận, giấy xác nhận	Lãnh đạo Phòng TC-KH	0,5 giờ
↓ Nhận và chuyển kết quả	Công chức Phòng TC-KH	4 giờ (0,5 ngày)
↓ Trả kết quả cho Liên hiệp hợp tác xã	Bộ phận TN&TKQ của UBND cấp huyện	
TỔNG THỜI GIAN		24 giờ

II. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ

Thủ tục: Thủ tục số 15, 19

1. Thời gian giải quyết: 40 giờ (05 ngày làm việc)

2. Lưu đồ giải quyết:

Lưu đồ	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
Tiếp nhận hồ sơ theo thành phần hồ sơ đã quy định tại Bộ phận TN&TKQ	Bộ phận TN&TKQ của UBND cấp huyện	4 giờ
Nhận và chuyển hồ sơ	Công chức Phòng TC-KH	
Nhận hồ sơ tại Phòng Tài chính – Kế hoạch	Lãnh đạo Phòng TC-KH	0,5 giờ
Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng TC-KH	0,5 giờ
Xử lý hồ sơ trên Hệ thống TTOG về ĐKHTX	Cán bộ thụ lý TC-KH	6 giờ
Duyệt hồ sơ, truyền thông tin thông tin từ Hệ thống TTQG về ĐKHTX sang Hệ thống Thông tin ĐKT hoặc ra Thông báo bổ sung	Lãnh đạo phòng TC-KH	6 giờ
Phản hồi chấp thuận giải thể	Hệ thống TTQG về ĐKHTX	16 giờ

↓ Chấp thuận giải thể Liên hiệp hợp tác xã ↓	Lãnh đạo phòng TC-KH	2 giờ
In giấy xác nhận giải thể ↓	Cán bộ thụ lý TC-KH	0,5 giờ
Ký giấy xác nhận giải thể ↓	Lãnh đạo phòng TC-KH	0,5 giờ
Nhận và chuyển kết quả ↓	Công chức Phòng TC-KH	4 giờ (0,5 ngày)
Trả kết quả cho Liên hiệp hợp tác xã ↓	Bộ phận TN&TKQ của UBND cấp huyện	
TỔNG THỜI GIAN		40 giờ

II. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ

Thủ tục: Thủ tục số 17

1. Thời gian giải quyết: 24 giờ (03 ngày làm việc)

2. Lưu đồ giải quyết:

Lưu đồ	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
Tiếp nhận hồ sơ theo thành phần hồ sơ đã quy định tại Bộ phận TN&TKQ	Bộ phận TN&TKQ của UBND cấp huyện	4 giờ (0,5 ngày)
Nhận và chuyển hồ sơ	Công chức Phong TC-KH	
Nhận hồ sơ tại Phòng Tài chính – Kế hoạch	Lãnh đạo Phòng TC-KH	0,5 giờ
Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng TC-KH	0,5 giờ
Kiểm tra tính hợp lệ của Thông báo góp vốn, mua cổ phần, thành lập DN của LHHTX	Cán bộ thụ lý TC-KH	7 giờ
Chấp thuận bổ sung Thông báo vào hồ sơ của LHHTX	Lãnh đạo Phòng TC-KH	7 giờ

Lưu Thông báo vào hồ sơ của LHHTX	Cán bộ lưu trữ	5 giờ
TỔNG THỜI GIAN		24 giờ

II. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ

Thủ tục: Thủ tục số 21

1. Thời gian giải quyết: 40 giờ (05 ngày làm việc)

2. Lưu đồ giải quyết:

2.1: Lưu đồ bàn giao hồ sơ cho Hợp tác xã tại cơ quan đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã đã đăng ký

Lưu đồ	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
Tiếp nhận hồ sơ theo thành phần hồ sơ đã quy định tại Bộ phận TN&TKQ	Bộ phận TN&TKQ của UBND cấp huyện	4 giờ (0,5 ngày)
Nhận và chuyển hồ sơ	Công chức Phòng TC-KH	
Nhận hồ sơ tại Phòng Tài chính – Kế hoạch	Lãnh đạo Phòng TC-KH	0,5 giờ
Phân công sao lưu hồ sơ	Lãnh đạo phòng TC-KH	0,5 giờ
Photo hồ sơ để lưu giữ	Công chức Phòng TC-KH	16 giờ
Chấp thuận bàn giao hồ sơ hoặc ra Thông báo bổ sung	Lãnh đạo Phòng TC-KH	15 giờ

↓ Nhận và chuyển hồ sơ ↓ Bàn giao hồ sơ cho Hợp tác xã	→	Công chức Phòng TC-KH	4 giờ (0,5) ngày
	→	Bộ phận TN&TKQ của UBND cấp huyện	
TỔNG THỜI GIAN			40 giờ

2.2. Lưu đồ cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã tại cơ quan đăng ký hợp tác xã mới

Lưu đồ	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
Tiếp nhận hồ sơ theo thành phần hồ sơ đã quy định tại Bộ phận TN&TKQ ↓ Nhận và chuyển hồ sơ ↓ Nhận hồ sơ tại Phòng Tài chính – Kế hoạch ↓ Phân công xử lý hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ của UBND cấp huyện Công chức Phòng TC-KH Lãnh đạo Phòng TC-KH Lãnh đạo phòng TC-KH	4 giờ (0,5 ngày) 0,5 giờ 0,5 giờ

Xử lý hồ sơ trên Hệ thống TTQG về ĐKHTX	Cán bộ thụ lý TC-KH	15 giờ
Chấp thuận cấp Giấy CN, truyền thông tin từ Hệ thống TTQG về ĐKHTX sang Hệ thống Thông tin ĐKT hoặc ra Thông báo bổ sung	Lãnh đạo Phòng TC-KH	15 giờ
In Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	Cán bộ thụ lý TC-KH	0,5 giờ
Ký Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	Lãnh đạo Phòng TC-KH	0,5 giờ
Nhận và chuyển kết quả	Bưu điện tỉnh	4 giờ (0,5 ngày)
Trả kết quả cho Liên hiệp hợp tác xã	Trung tâm hành chính công tỉnh	
TỔNG THỜI GIAN		40 giờ